

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2018

V/v: “*Yêu cầu không công nhận
vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.

- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*

1. Ông Thái Quang Định.

2. Bà Vũ Thị Xuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đào Ngọc Th**, sinh năm 1962.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu 3, phường TS, thành phố UB, tỉnh QN. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1959

Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, khu ĐB, phường PN, thành phố UB, tỉnh QN.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu 3, phường TS, thành phố UB, tỉnh QN. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng đề ngày 27 tháng 6 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17 tháng 7 năm 2018, bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Ngọc Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Ngọc Th và bà Đặng Thị M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 3 năm 1991, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng

không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, làm cho ông thấy thất vọng và mất niềm tin vào cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Ông Th và bà M đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm gì với nhau. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của cả hai bên, ông đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Đặng Thị M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên là Đào Ngọc Nh, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1992 và Đào Thị Nhung Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1993. Cả hai con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng đề ngày 27 tháng 6 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17 tháng 7 năm 2018, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 786499, mang tên hộ ông Đào Ngọc Th, tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 88, diện tích 795,3m² tại tổ 3, phường TS, thị xã UB (nay là thành phố UB), tỉnh QN, được Ủy ban nhân dân thành phố UB tỉnh QN cấp ngày 22/7/2008. Ngày 15 tháng 8 năm 2018, ông Đào Ngọc Th có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

Tại Bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà M thừa nhận trình bày của ông Th về điều kiện, hoàn cảnh chung sống. Bà và ông Th chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông bà thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Bà và ông Th đã ly thân với nhau từ tháng 7/2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Hiện nay, ông Th có đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Th. Bản thân bà thấy tình cảm không còn, bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Th, để bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên là Đào Ngọc Nh, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1992 và Đào Thị Nhung Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1993. Cả hai con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Th và bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng; không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn có địa chỉ tại tổ 1, khu DB, phường PN, thành phố UB, tỉnh QN, hiện sinh sống tại tổ 3, khu 3, phường TS, thành phố UB; theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố UB, tỉnh QN.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Ngọc Th và bà Đặng Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố UB đã xác nhận ông Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương và chưa đăng ký kết hôn với ai. Hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 của Quốc hội 10 ngày 9 - 6 -2000, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03-01-2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, ông Th và bà M phải đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Ông Th và bà M đã không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà M.

[2.2] Về nuôi con chung: Các đương sự xác nhận có 02 con chung tên là Đào Ngọc Nh, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1992 và Đào Thị Nhung Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1993. Cả hai con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng đề ngày 27 tháng 6 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17-7-2018, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 786499, mang tên hộ ông Đào Ngọc Th, tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 88, diện tích 795,3m² tại tổ 3, phường TS, thị xã UB (nay là thành phố UB), tỉnh QN, được Ủy ban nhân dân thành phố UB tỉnh QN cấp ngày 22/7/2008. Ngày 15-8-2018, ông Đào Ngọc Th có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Bà Đặng Thị M đồng ý với quan điểm rút yêu cầu chia tài sản chung của ông Th và không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Thịnh.

[2.4] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Ngọc Th phải chịu án phí về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

- Về án phí chia tài sản chung: Do ông Đào Ngọc Th đã rút yêu cầu chia tài sản chung nên ông Th không phải chịu về án phí chia tài sản. Do vậy, trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho ông Th theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1, 3 Điều 218, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận vợ chồng.

2. Xử:

2.1. Không công nhận vợ chồng giữa ông Đào Ngọc Th và bà Đặng Thị M.

2.2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của ông Đào Ngọc Th về việc phân chia diện tích đất 795,3m² và tài sản gắn liền với đất, tại tổ 3, phường TS, thị xã UB (nay là thành phố UB), tỉnh QN, được Ủy ban nhân dân thành phố UB tỉnh QN cấp ngày 22/7/2008, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 786499, mang tên hộ ông Đào Ngọc Th.

Ông Đào Ngọc Th và bà Đặng Thị M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Ngọc Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000462 ngày 17 tháng 7 năm 2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố UB. Ông Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trả lại ông Đào Ngọc Th số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) án phí chia tài sản chung, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000462 ngày 17 tháng 7 năm 2018 ông Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố UB.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho ông Đào Ngọc Th và bà Đặng Thị M biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 9 năm 2018).

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

